

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/HS-PT

Ngày: 26 – 4 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương.

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn Q và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 217/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn Q, sinh năm 1968 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Xóm Hố, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 06/12. Nghề nghiệp: Tài xế.

Họ và tên cha: Phạm Chon T, sinh năm 1935 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1937.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và có vợ tên Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1969 (đã ly hôn). Hiện nay có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1975. Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1991 và nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2022 đến ngày 05/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp Xóm Hố, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Trương Nguyễn Khánh C, sinh năm 1987 tại Đồng Nai .

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Bình Phú, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lái xe.

Họ và tên cha: Trương Lễ Đ, sinh năm 1961.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.

Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình và có vợ tên Lê Thị Hợp, sinh năm 1990, có 01 người con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2022 đến ngày 05/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp Bình Phú, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, được Tòa án triệu tập:

1. Đàm Phạm Quang T, sinh năm 1980 tại Đồng Nai

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Long Hiệu, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Minh P (tên gọi khác Bé), sinh năm 1991 tại Đồng Nai

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Phú Mỹ 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1991 tại Đồng Nai

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 10, ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Ngoài ra còn có bị hại không có kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Q và Chu Văn T2 có mâu thuẫn với nhau trong quá trình vay nợ qua lại. Đến khoảng 17 giờ ngày 24/5/2022, T2 điều khiển xe ô tô hiệu Mazda CX5, biển kiểm soát 60A-448.18 đi trên đường thuộc ấp 5, xã T, huyện L thì bị con gái của Q là Lê Thị Thùy T1 cùng 02 thanh niên (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) chặn xe và giữ Tám lại để đòi nợ. Sau đó T1 điện thoại cho Q thông báo là đang chặn, giữ xe ô tô của T2. Lúc này, Q đang nhậu với Đàm Phạm Quang T và Trương Nguyễn Khánh C tại nhà ở ấp Xóm Hố, xã P, huyện N nên Q nói Trí lên bắt anh Tám về nhà Nguyễn Minh P để nói chuyện nợ nần. T kêu C điều khiển xe ô tô biển số 60A-383.42 chở Trí đi thì C đồng ý, trên đường đi Trí gọi điện thoại cho Nguyễn Minh P và nói P cùng đi, P đồng ý (vì trước đó Q đã nói cho P biết việc Tám nợ tiền Q chưa trả và nhờ P đòi nợ giùm). Đến khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày, C điều khiển xe ô tô chở T, P và bạn gái của P là Hồng Ngọc Thảo đến ấp 5, xã T, huyện L thì gặp T1 và T2. Lúc này, T và P xuống xe ô tô dùng tay kẹp cổ Tám đưa lên xe của C. T2 xin điều khiển xe của T2 đi nhưng cả nhóm không đồng ý vì sợ Tám bỏ trốn. Khi lên xe, T nói T2 đưa điện thoại cho T tắt nguồn, P dùng tay đánh T2 02 cái trúng mặt và 01 cái trúng sau đầu. C điều khiển xe chở P, T và T2 về nhà Q. T và P đưa T2 vào trong nhà, ngồi ở phòng khách và đóng cửa lại, P lấy cây gậy lưng bằng nhựa đánh 03-04 cái vào đầu của T2 rồi đi ra ngoài. Sau đó, Trí thỏa thuận với Tám gọi người nhà của Tám đưa sổ đỏ và 100.000.000 đồng đến để trả nợ cho Q. T đưa điện thoại cho T2 gọi người nhà của Tám đến, sau khi anh T2 gọi điện xong, trong lúc chờ người nhà mang sổ đỏ và tiền đến, T2 nhờ Q kêu C quay lại xã T để lấy xe ô tô về cho T2. Khi C đến chỗ đậu xe ô tô của T2 thì thấy Công an xã T đang có mặt tại hiện trường để giải quyết nên C và P đến Công an xã T đầu thú. Đến ngày 26/4/2022, Q, T và T1 đến Công an huyện L đầu thú.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ 01 điện thoại Nokia gắn sim số 0933425153 (số

Imei: 355814092403554) của Q; 01 điện thoại Nokia gắn sim số 0933961253 (số Iimei: 356008086155549) của Trí; 01 điện thoại Masstel gắn sim số 0772221893 (số Iimei: 358414106288021) của C; 01 điện thoại Iphone 5 gắn sim số 0774441709 của P; 01 điện thoại Iphone 6 gắn sim số 0946155322 (số Iimei: 35203107989843) của T1. Ngoài ra còn tạm giữ của C 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 60A-383.42.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 217/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 07 (bảy) tháng tù và Trương Nguyễn Khánh C 06 (sáu) tháng tù cùng về tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/12/2022, bị cáo Lê Văn Q kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 29/12/2022, bị cáo Trương Nguyễn Khánh C kháng cáo kêu oan, không phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

** Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:*

Hành vi của bị cáo Lê Văn Q và Trương Nguyễn Khánh C đã phạm tội: “Bắt giữa người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét xử bị cáo Lê Văn Q với mức án 07 tháng tù. Bị cáo Trương Nguyễn Khánh C 06 tháng tù là phù hợp tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Lê Văn Q kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo Trương Nguyễn Khánh C bị cáo kêu oan nhưng sau đó tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới ngoài những tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đồng thời bị cáo Lê Văn Q là người chủ mưu, lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện tội phạm cho nên kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không phù hợp theo quy định của Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Trương Nguyễn Khánh C không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khách quan trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở để xác định nội dung vụ án như sau:

Bị cáo Lê Văn Q và anh Chu Văn T2 có mâu thuẫn với nhau trong quá trình vay nợ qua lại. Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 24/5/2022, bị cáo Lê Văn Q là người đứng ra nhờ sự giúp sức của các bị cáo Đàm Phạm Quang T, Trương Nguyễn Khánh C, Nguyễn Minh P và Lê Thị Thùy T1 đã thực hiện hành vi khống chế bắt giữ anh Chu Văn Tám từ ấp 5, xã T, huyện L về nhà Q tại ấp Xóm Hố, xã P, huyện N để đòi nợ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Lê Văn Q, Đàm Phạm Quang T, Nguyễn Minh P, Trương Nguyễn Khánh C và Lê Thị Thùy T1 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Bắt người trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được việc bắt người là trái quy định của pháp luật nhưng vẫn vi phạm. Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn Q là người đứng ra chủ mưu, lôi kéo các bị cáo khác đi bắt anh Chu Văn T2 để đòi nợ, mặc dù bị cáo không trực tiếp đi bắt Chu Văn T2 nhưng dưới sự chỉ đạo của bị cáo, các bị cáo khác thực hiện hành vi bắt bị hại mang về nhà bị cáo để đòi nợ. Đối với bị cáo Trương Nguyễn Khánh C, khi đang ngồi nhậu cùng bị cáo Q, T thì nghe và biết được anh T2 có nợ tiền của bị cáo Q và được Q nhờ đi bắt bị hại về để đòi nợ thì bị cáo C đã đồng ý giúp sức bằng hành vi điều khiển xe ô tô (là công cụ phạm tội chính) chở các bị cáo khác đi bắt bị hại và chở bị hại về nhà

bị cáo Q để các bị cáo khác đòi nợ. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vào giờ cao điểm (17 giờ) tại nơi công cộng đông người qua lại, cho thấy thấy hành vi, thái độ của các bị cáo là rất côn đồ, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt Bị cáo Lê Văn Q 07 (bảy) tháng tù và Trương Nguyễn Khánh C 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo C kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khách quan khác có tại hồ sơ, trong đó lời khai của bị cáo C (*bút lục số 138-146*) phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú (*bút lục 01-02*) và lời khai của các bị cáo Q (*bút lục 85-88*), T (*bút lục 92-97*) và phù hợp lời khai bị cáo C tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/12/2022, thừa nhận sau khi nghe và biết được sự việc bị hại nợ tiền bị cáo Q đã đồng ý điều khiển xe ô tô, giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật, do đó đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo C không có căn cứ để chấp nhận. Tại phần tranh luận, bị cáo C thay đổi kháng cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX nhận thấy bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, là lao động chính trong gia đình, nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội cũng là do bị bị cáo Q lôi kéo do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C là có căn cứ để chấp nhận. Đối với bị cáo Q kháng cáo xin được hưởng án treo và cung cấp bằng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú thể hiện bị cáo bị bệnh Viêm túi mật cấp do sỏi; 01 Bảng “Tổ quốc ghi công” liệt sĩ Lê Văn Thứ, HĐXX nhận thấy: bị cáo chỉ chữa bệnh trong 08 ngày (từ ngày 31/01/2021 đến 08/2/2021) là bệnh nhẹ và Liệt sĩ Lê Văn Thứ là cựu ruột, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, đồng thời bị cáo Q là người chủ mưu, lôi kéo các bị cáo khác tham gia nên kháng cáo xin hưởng án treo là không phù hợp với quy định tại Điều 3 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC

ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo Q không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo C được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Q, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Nguyễn Khánh C, sửa bản án sơ thẩm số 217/2022/HS-ST ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Lê Văn Q 07 (bảy) tháng** tù về tội “*Bắt người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2022 đến ngày 05/5/2022.

Xử phạt bị cáo **Trương Nguyễn Khánh C 03 (ba) tháng** tù về tội “*Bắt người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2022 đến ngày 05/5/2022.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trương Nguyễn Khánh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Huyện L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Sơn